TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày: 23/6/2023
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **71**/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc *"*Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-DS ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Đ**, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng(Có mặt).

Bị đơn: Ông **Ngô Văn X**. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Đ trình bày:

Đại lý thu mua tôm của bà Trương Thị Đ có cho đại lý cấp dưới ứng tiền mua tôm, sau đó bán lại cho Công ty T1, sau khi bán lại và thu tiền thì đại lý cấp dưới sẽ trả tiền lại cho bà Đ (Đại lý thu mua tôm của nguyên đơn không có đăng ký kinh doanh, số tiền ứng là tiền cá nhân của nguyên đơn) và việc ứng tiền cho bị đơn từ trước đến nay đều được bị đơn thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên vào ngày 21/4/2018 nguyên đơn có cho bị đơn ứng số tiền 120.000.000 đồng cũng với mục đích như trên nhưng bị đơn không lấy tiền đó thu mua tôm mà chiếm đoạt

của nguyên đơn, sau nhiều lần nguyên đơn tìm bị đơn để yêu cầu trả lại nhưng bị đơn cố tình không trả.

Nay nguyên đơn bà Trương Thị Đ yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Ngô Văn X trả cho bà Trương Thị Đa số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 21/4/2018 đến 14/12/2022 với lãi suất 20%/năm thành tiền là 113.200.000 đồng. Tổng cộng là 233.200.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán xong.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bị đơn có trả được cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 118.000.000 đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 14/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; bị đơn đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Ngô Văn X có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị Đa s tiền 124.225.286 đồng. Tuyên án phí, lãi suất chậm thanh toán ở giai đoạn thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Ngô Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 14/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhận thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 118.000.000 đồng. Xét thấy để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp giấy đề nghị tạm ứng số tiền 120.000.000 đồng ngày 21/4/2018 có chữ ký, chữ viết tên của bị đơn Ngô Văn X, trong giấy đề nghị tạm ứng thể hiện nội dung họ tên người ứng Ngô Văn X, số tiền ứng 120.000.000 đồng và người ứng đã nhận đủ tiền ký tên xác nhận. Đối với bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo và biết được yêu cầu của nguyên đơn nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Do đó có đủ căn cứ để xác định bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng. Tại phiên toà nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 2.000.000 đồng nên đồng ý khấu trừ vào số tiền 120.000.000 đồng chỉ yêu cầu thanh toán 118.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì: *"Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận"*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 118.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 14/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhận thấy việc nhận ứng tiền các bên không có thỏa thuận về việc tính lãi và cũng không co thoả thuận thời hạn trả. Tuy nhiên căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 quy định bên chậm thực hiện nghĩa vụ thì có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm thanh toán cho bên có quyền. Vì vậy, thời gian, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu khi đối chiếu với quy định của pháp luật là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Từ 14/12/2022 đến xét sử sơ thẩm 23/6/2023 là 06 tháng 10 ngày x 0,833%/tháng x 118.000.000 đồng = 6.225.286 đồng. Như vậy, tổng số tiền cần buộc bị đơn thanh toán là 124.225.286 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu là 6.211.264 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Đ. Buộc bị đơn ông Ngô Văn X có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Đa số tiền 124.225.286 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ngô Văn X phải chịu là 6.211.264 đồng.

3. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh